



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/12/2022



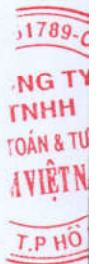
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 26





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Thị Thu Hằng**  
**Tổng Giám đốc**

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2023

302  
C  
KIỂM  
R  
AN



Số: 01/2023/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**

**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/07/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>252.740.786.041</b>	<b>193.257.047.508</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>36.183.337.295</b>	<b>2.053.184.841</b>
1. Tiền	111	4.1	36.183.337.295	2.053.184.841
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>155.318.031.280</b>	<b>107.847.010.029</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	122.863.262.500	84.526.847.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	31.025.612.084	20.972.627.463
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.925.577.600	2.843.956.470
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(3.636.420.904)	(3.636.420.904)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>61.143.574.072</b>	<b>83.286.201.784</b>
1. Hàng tồn kho	141		61.459.604.454	83.602.232.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(316.030.382)	(316.030.382)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>95.843.394</b>	<b>70.650.854</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		95.843.394	70.650.854
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.655.010.015</b>	<b>207.928.346.697</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>199.365.471.320</b>	<b>205.789.743.613</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	198.103.753.794	204.524.433.228
Nguyên giá	222		380.070.157.514	377.978.149.508
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.966.403.720)	(173.453.716.280)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.261.717.526	1.265.310.385
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(697.076.760)	(693.483.901)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.178.071.692</b>	<b>61.849.570</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.178.071.692	61.849.570
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.111.467.003</b>	<b>2.076.753.514</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.111.467.003	2.076.753.514
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>456.395.796.056</b>	<b>401.185.394.205</b>

(Xem tiếp trang sau)



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/07/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>285.892.845.155</b>	<b>231.619.223.186</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>243.064.845.155</b>	<b>183.791.223.186</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	25.626.908.857	2.216.289.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.8	37.042.730.300	678.350.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	6.444.906.442	6.117.395.513
4. Phải trả người lao động	314	4.10	1.461.174.167	829.432.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.295.677.075	1.496.331.262
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		524.401.006	458.050.381
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	169.892.095.535	169.446.463.671
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.025.357.500
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		776.951.773	523.551.773
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.828.000.000</b>	<b>47.828.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	42.828.000.000	47.828.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>170.502.950.901</b>	<b>169.566.171.019</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.12.1	<b>170.502.862.719</b>	<b>169.566.082.837</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.5	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.12.5	7.171.619.808	7.935.631.808
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.347.214.218	89.646.422.336
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		89.327.224.449	81.636.444.878
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.019.989.769	8.009.977.458
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.182</b>	<b>88.182</b>
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>456.395.796.056</b>	<b>401.185.394.205</b>

Phê duyệt

**Đặng Thị Thu Hằng**  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022  
Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập

**Võ Thị Ái Thùy**  
Phụ trách kế toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.14	105.400.753.506	20.405.695.652
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105.400.753.506	20.405.695.652
3. Giá vốn hàng bán	11	4.15	93.106.549.518	17.684.942.873
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.294.203.988	2.720.752.779
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.16	3.566.891.785	5.481.681.500
6. Chi phí tài chính	22	4.17	9.977.449.515	4.435.723.650
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.977.449.515	4.435.723.650
7. Chi phí bán hàng	25		268.675.912	211.758.923
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.18	1.946.572.530	1.293.447.637
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.668.397.816	2.261.504.069
10. Thu nhập khác	31		3.204.821	34.749.610
11. Chi phí khác	32		855.107.912	532.228.968
12. Lợi nhuận khác	40		(851.903.091)	(497.479.358)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.816.494.725	1.764.024.711
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.20	796.504.956	947.201.557
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.019.989.769	816.823.154
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	398	151
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	398	151

Phê duyệt

**Đặng Thị Thu Hằng**  
Tổng Giám đốcTheo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022  
Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập

**Võ Thị Ái Thùy**  
Phụ trách kế toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103.958.615.545	73.052.033.748
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(44.086.141.023)	(24.222.278.132)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.252.550.067)	(5.771.186.281)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(9.631.632.226)	(7.329.904.542)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.9	(2.527.505.832)	(1.284.587.576)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.814.520.361	5.026.753.274
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.671.536.573)	(7.483.812.035)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40.603.770.185</b>	<b>31.987.018.456</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.927.296.924)	(4.815.440.808)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.047.329	4.300.070
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.919.249.595)</b>	<b>(4.811.140.738)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.21	48.548.536.663	24.982.716.796
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.22	(53.102.904.799)	(41.879.347.682)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.554.368.136)</b>	<b>(16.896.630.886)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>34.130.152.454</b>	<b>10.279.246.832</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.053.184.841	2.772.552.795
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	4.1	<b>36.183.337.295</b>	<b>13.051.799.627</b>

Phê duyệt

**Đặng Thị Thu Hằng**  
Tổng Giám đốcTheo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022  
Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập

**Võ Thị Ái Thùy**  
Phụ trách kế toán



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/07/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15	7.605.000.000	15
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Việt Nam	3.588.000.000	7	3.588.000.000	7
Các cổ đông khác	Việt Nam	39.507.000.000	78	39.507.000.000	78
<b>Cộng</b>		<b>50.700.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 199 (01/07/2022: 188).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

**1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Đặc thù kinh doanh của Công ty là theo mùa vụ, vụ mía thông thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 06 năm sau. Trong giai đoạn kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31/12/2022, sản lượng đường tiêu thụ tăng so với cùng kỳ năm trước. Do đó, doanh thu và giá vốn kỳ này của Công ty tăng mạnh so với kỳ trước (tương đương lần lượt khoảng 417% và 426%).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm hiện hành và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm tiếp theo.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Tiền mặt	282.900.417	319.911.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.900.436.878	1.733.273.321
<b>Cộng</b>	<b>36.183.337.295</b>	<b>2.053.184.841</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.24	39.997.709.000	8.154.887.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	34.018.490.000	67.290.500.000
Công ty TNHH An Hà	33.546.980.000	-
Các khách hàng khác (*)	15.300.083.500	9.081.460.000
<b>Cộng</b>	<b>122.863.262.500</b>	<b>84.526.847.000</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.24	2.356.444.695	3.455.756.695
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	16.095.981.319	14.767.562.663
Trả trước cho người bán khác:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	7.094.184.515	1.057.620.605
Các nhà cung cấp khác (*)	5.479.001.555	1.691.687.500
<b>Cộng</b>	<b>31.025.612.084</b>	<b>20.972.627.463</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/07/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.636.420.904	-	3.636.420.904	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022				Tại ngày 01/07/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	Trên 3 năm	500.000.000	-	Trên 3 năm	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	Trên 3 năm	450.000.000	-	Trên 3 năm	-	-
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	Trên 3 năm	190.000.000	-	Trên 3 năm	-	-
Khác	496.420.904	-	Trên 3 năm	496.420.904	-	Trên 3 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.636.420.904</b>	<b>-</b>		<b>3.636.420.904</b>	<b>-</b>		<b>3.636.420.904</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/07/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.506.462.954	(316.030.382)	2.767.317.885	(316.030.382)
Công cụ, dụng cụ	9.544.789.489	-	9.708.056.916	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.424.471.037	-	329.382.841	-
Thành phẩm	31.579.844.316	-	70.039.089.611	-
Hàng hóa	5.404.036.658	-	758.384.913	-
<b>Cộng</b>	<b>61.459.604.454</b>	<b>(316.030.382)</b>	<b>83.602.232.166</b>	<b>(316.030.382)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/07/2022	110.296.767.263	264.593.046.396	2.545.235.634	543.100.215	377.978.149.508
Mua trong kỳ	-	1.399.136.444	816.363.636	-	2.215.500.080
Thanh lý, nhượng bán	-	(123.492.074)	-	-	(123.492.074)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>110.296.767.263</b>	<b>265.868.690.766</b>	<b>3.361.599.270</b>	<b>543.100.215</b>	<b>380.070.157.514</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/07/2022	50.559.485.145	120.251.051.620	2.147.937.636	495.241.879	173.453.716.280
Khấu hao trong kỳ	1.635.026.842	6.879.443.935	61.059.398	1.521.827	8.577.052.002
Thanh lý, nhượng bán	-	(64.364.562)	-	-	(64.364.562)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>52.194.511.987</b>	<b>127.066.130.993</b>	<b>2.208.997.034</b>	<b>496.763.706</b>	<b>181.966.403.720</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/07/2022	59.737.282.118	144.341.994.776	397.297.998	47.858.336	204.524.433.228
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>58.102.255.276</b>	<b>138.802.559.773</b>	<b>1.152.602.236</b>	<b>46.336.509</b>	<b>198.103.753.794</b>

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình là 198.103.753.794 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 86.941.390.767 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/07/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả về mía nguyên liệu	15.768.986.013	15.768.986.013	296.123.245	296.123.245
Phải trả người bán khác:				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	5.886.875.000	5.886.875.000	699.080.000	699.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTNN Tiến Nông	1.874.800.000	1.874.800.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.096.247.844	2.096.247.844	1.221.086.704	1.221.086.704
<b>Cộng</b>	<b>25.626.908.857</b>	<b>25.626.908.857</b>	<b>2.216.289.949</b>	<b>2.216.289.949</b>

**4.8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/07/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.24	35.916.000.000	-
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	1.126.730.300	678.350.500
<b>Cộng</b>	<b>37.042.730.300</b>	<b>678.350.500</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/07/2022	
	Phải nộp VND	Phải nộp	Phải nộp/Khấu trừ VND	Đã nộp/Khấu trừ VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) theo biên bản kiểm tra thuế	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	5.561.984.279	5.003.576.404	2.691.768.998	-	-	3.250.176.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp	796.504.956	796.504.956	2.527.505.832	(175.201.633)	-	2.702.707.465
Thuế thu nhập cá nhân	46.194.096	79.936.686	159.372.601	(5.825.746)	-	131.455.757
Thuế tài nguyên	15.124.003	31.974.003	50.130.584	225.266	-	33.055.418
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	195.398.252	195.398.252	-	-	-
Các loại thuế khác	25.099.108	25.099.108	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.444.906.442</b>	<b>6.132.489.409</b>	<b>5.624.176.367</b>	<b>(180.802.113)</b>		<b>6.117.395.513</b>

**4.10. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/07/2022	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lương còn phải trả cho người lao động	1.461.174.167	829.432.637		

(Xem tiếp trang sau)





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/07/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hạn:						
Vay ngân hàng	159.892.095.535	159.892.095.535	48.548.536.663	48.102.904.799	159.446.463.671	159.446.463.671
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>169.892.095.535</b>	<b>169.892.095.535</b>	<b>53.548.536.663</b>	<b>53.102.904.799</b>	<b>169.446.463.671</b>	<b>169.446.463.671</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	52.828.000.000	52.828.000.000	-	5.000.000.000	57.828.000.000	57.828.000.000
Trừ nợ vay cải hạn đến hạn trả	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>42.828.000.000</b>	<b>42.828.000.000</b>	<b>(5.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>47.828.000.000</b>	<b>47.828.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>212.720.095.535</b>	<b>212.720.095.535</b>	<b>48.548.536.663</b>	<b>53.102.904.799</b>	<b>217.274.463.671</b>	<b>217.274.463.671</b>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND, có thời hạn 1 năm và chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 10,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 198.103.753.794 VND – Xem thêm Mục 4.6;
- Quyền sử dụng đất tại Km2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngân hàng dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND, có thời hạn 5 năm và chịu lãi suất 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay hình thành từ dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu				Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng
	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	VND	
Tại ngày 01/07/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	9.036.762.274	82.136.444.878	163.157.235.845		
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	816.823.154	816.823.154		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020-2021	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)		
Sử dụng quỹ	-	-	-	(397.461.950)	-	(397.461.950)		
Tại ngày 31/12/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.639.300.324	82.453.268.032	163.076.597.049		
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	7.193.154.304	7.193.154.304		
Sử dụng quỹ	-	-	-	(703.668.516)	-	(703.668.516)		
Tại ngày 01/07/2022	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.935.631.808	89.646.422.336	169.566.082.837		
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	2.019.989.769	2.019.989.769		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021-2022	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)		
Tặng khác	-	-	-	-	180.802.113	180.802.113		
Sử dụng quỹ	-	-	-	(764.012.000)	-	(764.012.000)		
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>7.171.619.808</b>	<b>91.347.214.218</b>	<b>170.502.862.719</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Tấn Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>50.700.000.000</b>

**4.12.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/07/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	2.019.989.769	816.823.154
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(50.987.856)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.019.989.769	765.835.298
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.070.000	5.070.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>398</b>	<b>151</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông thì lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**4.12.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/07/2022	18.674.216.181	7.935.631.808
Chi trong kỳ	-	(764.012.000)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>7.171.619.808</b>

9-C  
TY  
TU  
NA  
09

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi	12.459.952.254	12.459.952.254

**4.14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán đường thành phẩm	87.414.905.721	16.921.904.762
Doanh thu bán mật rỉ	11.786.876.576	788.942.857
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	5.548.468.565	2.342.024.154
Doanh thu khác	650.502.644	352.823.879
<b>Cộng</b>	<b>105.400.753.506</b>	<b>20.405.695.652</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	50.203.842.625	8.370.680.736

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu kỳ này so với kỳ trước.

**4.15. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn đường thành phẩm	77.651.074.855	15.175.747.115
Giá vốn mật rỉ	10.539.493.962	308.459.406
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	4.825.910.450	2.194.601.263
Giá vốn khác	90.070.251	6.135.089
<b>Cộng</b>	<b>93.106.549.518</b>	<b>17.684.942.873</b>

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng giá vốn kỳ này so với kỳ trước.

**4.16. Doanh thu tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	8.047.329	4.300.070
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	437.508.155	568.917.276
Lãi trả chậm	3.121.336.301	4.908.464.154
<b>Cộng</b>	<b>3.566.891.785</b>	<b>5.481.681.500</b>
Trong đó, lãi trả chậm từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.24	302.444.794	1.083.832.379



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí lãi vay	9.977.449.515	4.435.723.650

**4.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	767.822.981	527.960.596
Chi phí vật liệu quản lý	489.431	113.569
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.911.084	51.726.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.249.757	233.677.932
Thuế, phí và lệ phí	29.221.962	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.803.544	19.090.230
Chi phí bằng tiền khác	701.073.771	460.878.665
<b>Cộng</b>	<b><u>1.946.572.530</u></b>	<b><u>1.293.447.637</u></b>

**4.19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.060.339.782	21.479.942.156
Chi phí nhân công	3.116.026.160	2.222.607.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.580.644.861	8.579.439.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.424.890.019	168.708.981
Chi phí bằng tiền khác	977.459.340	660.787.072
<b>Cộng</b>	<b><u>59.159.360.162</u></b>	<b><u>33.111.484.490</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	796.504.956	947.201.557

**4.21. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	48.548.536.663	24.982.716.796

**4.22. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	(53.102.904.799)	(41.879.347.682)

**4.23. Báo cáo bộ phận**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Kon Tum. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

123  
CỔ  
M T  
RSM  
7-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.24. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
8. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/07/2022 VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng:</b>		
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	23.082.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	9.300.000.000	6.100.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	7.601.250.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	13.959.000	2.054.887.000
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.2:</b>	<b>39.997.709.000</b>	<b>8.154.887.000</b>
	<u>Tại ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/07/2022 VND</u>
<b>Trả trước người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.3:</b>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.356.444.695	3.455.756.695
	<u>Tại ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/07/2022 VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác về lãi trả chậm:</b>		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	310.097.672	310.097.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	54.398.630	82.442.740
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	12.973.972
<b>Cộng</b>	<b>364.496.302</b>	<b>405.514.384</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****24. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	(34.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	(1.416.000.000)	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.8</b>	<b>(35.916.000.000)</b>	<b>-</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	21.983.333.334	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	16.666.666.667	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	7.239.286.076	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	3.047.619.048	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	1.221.300.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	45.637.500	8.370.680.736
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.14</b>	<b>50.203.842.625</b>	<b>8.370.680.736</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.015.083.636	1.403.039.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trả chậm:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	282.354.794	996.883.563
Công ty TNHH Kim Hà Việt	20.090.000	86.948.816
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.16</b>	<b>302.444.794</b>	<b>1.083.832.379</b>

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****24. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	110.372.000	83.313.636
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	181.400.000	180.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	74.423.866	70.358.862
<b>Cộng</b>		<b>504.195.866</b>	<b>471.672.498</b>

**4.25. Thu nhập Ban kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên	82.249.258	78.818.758
<b>Cộng</b>		<b>154.249.258</b>	<b>150.818.758</b>

**4.26. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	151	145
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	151	145

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (quỹ khen thưởng, phúc lợi trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 được ghi nhận theo số tạm tính).

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.27. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

**Phê duyệt**



**Tổng Giám đốc**

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**Người lập**



**Võ Thị Ái Thùy  
Phụ trách kế toán**

